

Số: 57/QĐ-GDQPAN

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh đợt 3 năm 2023

GIÁM ĐỐC

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm GDQPAN; liên kết GDQPAN của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc đổi tên Trung tâm Giáo dục quốc phòng an ninh – sinh viên Thanh Hoá thành Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Hồng Đức và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-ĐHHĐ ngày 30/08/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả môn học GDQPAN;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét cấp chứng chỉ GDQPAN đợt 3 năm 2023 họp ngày 08/8/2023;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả và cấp chứng chỉ GDQPAN cho 699 người học Trường Đại học Hồng Đức, 314 người học Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá và 184 người học Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hoá đã hoàn thành chương trình môn học GDQPAN (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban đào tạo và Quản lý sinh viên có nhiệm vụ tổ chức cấp chứng chỉ GDQPAN cho người học theo danh sách trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các Ông (bà) Trưởng Ban ĐT&QLSV, Trưởng Ban HCHC-KT, Trưởng Bộ môn, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- HĐ GDQPAN tỉnh, BGH Trường ĐHHĐ (Để báo cáo);
- Ban Giám đốc TT, Trường ĐH VHTT&DL; Trường CĐCN
- Như Điều 3;
- Lưu : VT, Ban ĐT&QLSV.

GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Dũng

Thanh Hoá, ngày tháng 8 năm 2023

DANH SÁCH

Người học Trường Đại học Hồng Đức được cấp chứng chỉ GDQPAN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-GDQPAN, ngày tháng năm 2023
của Giám đốc Trung tâm GDQPAN Trường Đại học Hồng Đức)

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
	I		Chính quy							
1	1	c35	2264010121	Phạm Hùng	Anh	27/03/2004	226401C	8.5	Giỏi	
2	2	c35	2264010145	Nguyễn Đình	Linh	14/03/2004	226401C	7.8	Khá	
3	3	c35	2262030014	Đỗ Ngọc	Nam	04/12/2003	226203A	7.5	Khá	
4	4	c35	2262030015	Đặng Mạnh	Nhất	10/03/2004	226203A	8.8	Giỏi	
5	5	c35	2262030017	Đàm Đình	Thắng	06/01/2004	226203A	8.1	Giỏi	
6	6	c35	2262030018	Trần Văn	Thông	15/10/2004	226203A	7.5	Khá	
7	7	c35	2262030020	Lê Trung	Tiến	14/12/2004	226203A	7.5	Khá	
8	8	c35	2264010174	Thiều Quang	Tiến	17/01/2003	226401C	7.6	Khá	
9	9	c35	2262030019	Vũ Quang	Tiến	24/03/2004	226203A	7.4	Khá	
10	10	c35	2262030021	Lê Đình	Trường	16/07/2004	226203A	8.4	Giỏi	
11	11	c35	2262030022	Phạm Minh	Tuấn	18/01/2003	226203A	7.1	Khá	
12	12	c35	2262030027	Trần Quốc	Tuấn	30/06/2004	226203A	8.5	Giỏi	
13	13	c35	2262030023	Lê Đình	Tùng	27/04/2004	226203A	8.4	Giỏi	
14	14	c35	2264010163	Lê Ngọc Xuân	Quý	14/11/2004	226401C	7.4	Khá	
15	15	c35	2264010123	Vũ Minh	Châu	19/12/2003	226401C	5.7	Trung bình	
16	16	c35	2264010159	Lương Hoài	Phương	17/10/2004	226401C	7.6	Khá	
17	17	c35	2264010119	Nguyễn Thị Thúy	An	06/07/2004	226401C	7.6	Khá	
18	18	c35	2264010120	Lê Thị Vân	Anh	24/07/2004	226401C	7.7	Khá	
19	19	c35	2264010122	Mai Ngọc	Châm	19/11/2004	226401C	7.7	Khá	
20	20	c35	2264010124	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	13/10/2004	226401C	8.4	Giỏi	
21	21	c35	2264010125	Đàm Thị Thu	Diễm	16/10/2004	226401C	8.9	Giỏi	
22	22	c35	2264010126	Trần Thị	Dung	23/01/2004	226401C	8.8	Giỏi	
23	23	c35	2264010127	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	13/06/2003	226401C	8.5	Giỏi	
24	24	c35	2264010128	Lương Thị	Giang	08/08/2004	226401C	8.7	Giỏi	
25	25	c35	2264010130	Hoàng Thị Thúy	Hằng	07/12/2004	226401C	8.6	Giỏi	
26	26	c35	2264010131	Hoàng Hồng	Hạnh	28/05/2004	226401C	7.9	Khá	
27	27	c35	2264010132	Lưu Thị	Hiền	20/03/2004	226401C	7.6	Khá	
28	28	c35	2264010134	Đỗ Thị	Hồng	02/04/2004	226401C	8.6	Giỏi	
29	29	c35	2264010135	Trịnh Thị	Hồng	25/01/2004	226401C	8.8	Giỏi	
30	30	c35	2264010136	Lê Thị Thúy	Hường	30/07/2004	226401C	8.4	Giỏi	
31	31	c35	2264010137	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	27/12/2003	226401C	7.4	Khá	
32	32	c35	2264010138	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	26/01/2004	226401C	8.7	Giỏi	
33	33	c35	2264010141	Lê Thị Ngọc	Lan	23/03/2004	226401C	8.5	Giỏi	
34	34	c35	2262030001	Lê Nguyễn Trường	Anh	01/05/2004	226203A	8.6	Giỏi	
35	35	c35	2262030026	Đậu Văn	Bình	01/07/2003	226203A	8.9	Giỏi	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
36	36	c35	2262030004	Lương Trọng	Đạt	02/12/2004	226203A	8.0	Giỏi	
37	37	c35	2262030003	Lưu Hoàng	Đạt	24/10/2004	226203A	8.8	Giỏi	
38	38	c35	2262030002	Lê Tuấn	Dương	17/07/2004	226203A	8.1	Giỏi	
39	39	c35	2262030005	Nguyễn Trường	Giang	06/09/2004	226203A	8.8	Giỏi	
40	40	c35	2262030008	Nguyễn Văn	Hiếu	22/05/2004	226203A	8.2	Giỏi	
41	41	c35	2262030007	Trịnh Minh	Hiếu	12/08/2003	226203A	8.3	Giỏi	
42	42	c35	2262030009	Nguyễn Xuân Huy	Hoàng	12/04/2004	226203A	7.1	Khá	
43	43	c35	2262030010	Hoàng Văn	Hùng	17/10/2002	226203A	8.4	Giỏi	
44	44	c35	2262030011	Lê Văn	Long	01/08/2004	226203A	7.9	Khá	
45	45	c35	2262030012	Phạm Văn	Mạnh	17/09/2004	226203A	8.1	Giỏi	
46	46	c35	2262030013	Trần Duy	Mạnh	02/02/2004	226203A	8.2	Giỏi	
47	47	c35	2264010143	Đỗ Thị Thùy	Linh	14/12/2004	226401C	8.9	Giỏi	
48	48	c35	2264010144	Lê Thị	Linh	01/02/2004	226401C	8.6	Giỏi	
49	49	c35	2264010146	Trần Thị Diệu	Linh	06/03/2004	226401C	8.2	Giỏi	
50	50	c35	2264010147	Nguyễn Thị	Loan	07/07/2003	226401C	8.0	Giỏi	
51	51	c35	2264010148	Hoàng Khánh	Ly	06/02/2004	226401C	7.7	Khá	
52	52	c35	2264010149	Nguyễn Thị	Mai	07/07/2004	226401C	8.7	Giỏi	
53	53	c35	2264010150	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/06/2004	226401C	8.6	Giỏi	
54	54	c35	2264010151	Trần Hà	My	27/09/2004	226401C	7.4	Khá	
55	55	c35	2264010153	Hà Tuyết	Ngân	09/07/2004	226401C	7.9	Khá	
56	56	c35	2264010154	Lường Thị	Ngọc	28/02/2004	226401C	8.0	Giỏi	
57	57	c35	2264010155	Lê Thị Uyên	Nhi	17/12/2004	226401C	8.4	Giỏi	
58	58	c35	2264010156	Hà Thị Hồng	Nhung	06/06/2004	226401C	8.3	Giỏi	
59	59	c35	2264010157	Trịnh Thị Hồng	Nhung	24/08/2004	226401C	8.5	Giỏi	
60	60	c35	2264010158	Nguyễn Thị	Oanh	18/02/2003	226401C	8.4	Giỏi	
61	61	c35	2264010162	Nguyễn Thị Thu	Phương	07/02/2004	226401C	8.8	Giỏi	
62	62	c35	2264010160	Phan Thị	Phương	01/01/2004	226401C	7.8	Khá	
63	63	c35	2264010161	Trịnh Thị Hà	Phương	14/12/2004	226401C	8.5	Giỏi	
64	64	c35	2264010165	Trần Thị Như	Quỳnh	05/01/2004	226401C	8.0	Giỏi	
65	65	c35	2264010166	Trần Thanh	Tâm	10/02/2004	226401C	7.6	Khá	
66	66	c35	2264010167	Lê Phương	Thảo	25/09/2004	226401C	8.6	Giỏi	
67	67	c35	2264010169	Phạm Thị	Thảo	20/07/2002	226401C	8.7	Giỏi	
68	68	c36	2263110001	Hà Văn	An	06/02/2004	226311A	7.8	Khá	
69	69	c36	2263110002	Nguyễn Việt	Anh	26/02/2003	226311A	7.7	Khá	
70	70	c36	2263110004	Thiều Ngọc	Dương	24/02/2004	226311A	8.1	Giỏi	
71	71	c36	2263110006	Lê Trọng	Hiếu	30/11/2004	226311A	8.4	Giỏi	
72	72	c36	2263110007	Trần Huy	Hoàn	17/05/2004	226311A	9.1	Xuất sắc	
73	73	c36	2263110008	Lê Huy	Hùng	03/08/2004	226311A	8.5	Giỏi	
74	74	c36	2263110009	Lê Huy	Nam	10/12/2004	226311A	8.2	Giỏi	
75	75	c36	2263110011	Nguyễn Văn	Phong	22/08/2004	226311A	8.7	Giỏi	
76	76	c36	2263110012	Đỗ Huy	Thắng	08/01/2004	226311A	9.2	Xuất sắc	
77	77	c36	2263110013	Vũ Đức	Thành	01/02/2004	226311A	8.1	Giỏi	
78	78	c36	2263110016	Mai Anh	Tiến	13/12/2004	226311A	7.7	Khá	
79	79	c36	2263100009	Hơ Văn	Trẻ	28/06/2003	226310A	7.7	Khá	
80	80	c36	2263110018	Hà Thế	Vinh	10/05/2004	226311A	8.5	Giỏi	
81	81	c36	2263100010	Lê Thế Minh	Vũ	09/11/2004	226310A	7.1	Khá	
82	82	c36	2264010180	Đỗ Ngọc	Anh	17/11/2004	226401D	9.0	Xuất sắc	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
83	83	c36	2264010181	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	21/09/2004	226401D	8.1	Giỏi	
84	84	c36	2264010182	Trần Thị Quỳnh	Anh	11/06/2004	226401D	8.6	Giỏi	
85	85	c36	2264010187	Nguyễn Thị	Đào	13/08/2004	226401D	7.2	Khá	
86	86	c36	2264010183	Hoàng Thị Út	Diệu	29/04/2004	226401D	8.5	Giỏi	
87	87	c36	2264010168	Trịnh Thanh	Thảo	16/02/2004	226401C	7.4	Khá	
88	88	c36	2264010170	Nguyễn Minh	Thư	30/09/2004	226401C	6.7	Trung bình	
89	89	c36	2263110014	Nguyễn Thị Hoài	Thương	05/01/2004	226311A	7.6	Khá	
90	90	c36	2263110015	Lê Phương	Thúy	18/12/2003	226311A	7.7	Khá	
91	91	c36	2264010171	Lê Thị	Thúy	18/02/2004	226401C	7.8	Khá	
92	92	c36	2264010172	Nguyễn Thị	Thúy	10/09/2004	226401C	8.0	Giỏi	
93	93	c36	2264010173	Đỗ Thị	Thủy	30/05/2004	226401C	7.8	Khá	
94	94	c36	2264010175	Lê Huyền	Trang	24/09/2004	226401C	7.9	Khá	
95	95	c36	2264010177	Nguyễn Huyền	Trang	18/06/2004	226401C	7.3	Khá	
96	96	c36	2263100008	Nguyễn Thị Phương	Trang	11/06/2004	226310A	7.9	Khá	
97	97	c36	2264010176	Phạm Thị	Trang	10/10/2004	226401C	7.6	Khá	
98	98	c36	2263110017	Lương Thị Yến	Trinh	05/03/2003	226311A	8.8	Giỏi	
99	99	c36	2264010178	Ngân Thị Khánh	Vân	13/05/2004	226401C	8.1	Giỏi	
100	100	c36	2264010179	Phạm Khánh	Vy	04/01/2004	226401C	9.0	Xuất sắc	
101	101	c36	2263100001	Nguyễn Đức	Anh	19/08/2003	226310A	8.4	Giỏi	
102	102	c36	2263100002	Lò Văn	Bun	26/05/2002	226310A	7.6	Khá	
103	103	c36	2263100003	Ngân Nhất	Đan	22/11/2004	226310A	7.7	Khá	
104	104	c36	2263100004	Bùi Tuấn	Đạt	05/11/2004	226310A	7.5	Khá	
105	105	c36	2263100005	Phạm Ngọc	Hiền	02/09/2004	226310A	6.9	Trung bình	
106	106	c36	2263100006	Nguyễn Đức	Thắng	05/07/2000	226310A	9.3	Xuất sắc	
107	107	c36	2263100007	Nguyễn Danh	Thanh	04/06/2004	226310A	5.7	Trung bình	
108	108	c36	2264010189	Nguyễn Thị Thu	Hà	07/12/2004	226401D	8.5	Giỏi	
109	109	c36	2264010185	Lê Thị Phương	Dung	18/09/2003	226401D	7.9	Khá	
110	110	c36	2264010184	Vũ Thị	Dung	08/06/2004	226401D	7.7	Khá	
111	111	c36	2264010186	Nguyễn Thị Thùy	Dương	27/01/2004	226401D	8.6	Giỏi	
112	112	c36	2264010192	Nghiêm Mai	Hoa	23/10/2004	226401D	7.2	Khá	
113	113	c36	2264010193	Lê Thị Ngọc	Hoài	02/12/2004	226401D	7.5	Khá	
114	114	c36	2264010194	Đoàn Thị	Hồng	12/12/2004	226401D	7.9	Khá	
115	115	c36	2264010195	Lê Thị	Hồng	01/02/2004	226401D	8.3	Giỏi	
116	116	c36	2264010196	Đỗ Thị Thu	Hương	24/11/2004	226401D	7.9	Khá	
117	117	c36	2264010197	Hồ Thị Diệu	Hương	17/01/2004	226401D	8.1	Giỏi	
118	118	c36	2264010198	Lê Thu	Hường	28/01/2004	226401D	8.1	Giỏi	
119	119	c36	2264010199	Hà Khánh	Huyền	17/05/2004	226401D	8.3	Giỏi	
120	120	c36	2264010140	Hàn Thanh	Huyền	10/04/2004	226401D	8.7	Giỏi	
121	121	c36	2264010202	Nguyễn Nhật	Lệ	11/05/2004	226401D	8.6	Giỏi	
122	122	c36	2264010203	Đỗ Thị	Linh	07/07/2004	226401D	8.1	Giỏi	
123	123	c36	2264010239	Hà Khánh	Linh	24/10/2004	226401D	7.4	Khá	
124	124	c36	2264010204	Lê Thị	Linh	01/08/2003	226401D	7.9	Khá	
125	125	c36	2264010206	Nguyễn Ngọc	Linh	30/01/2004	226401D	8.3	Giỏi	
126	126	c36	2264010207	Phạm Khánh	Linh	30/03/2004	226401D	7.7	Khá	
127	127	c36	2264010208	Trần Thị Mai	Linh	04/05/2004	226401D	8.2	Giỏi	
128	128	c36	2264010211	Trần Thị Bảo	Ly	25/09/2003	226401D	6.9	Trung bình	
129	129	c36	2264010212	Đỗ Thị	Mai	09/03/2004	226401D	7.9	Khá	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
130	130	c36	2264010213	Trần Thị Phương	Mai	14/06/2004	226401D	7.5	Khá	
131	131	c36	2264010214	Nguyễn Thị Trà	Mi	30/01/2004	226401D	7.5	Khá	
132	132	c36	2264010215	Lê Thị Huyền	Nga	06/02/2004	226401D	8.1	Giỏi	
133	133	c36	2264010216	Hoàng Thị	Ngọc	23/08/2004	226401D	8.8	Giỏi	
134	134	c37	2268010003	Lê Văn Tuấn	Anh	10/03/2004	226801A	8.2	Giỏi	
135	135	c37	2268010019	Nguyễn Văn	Hiếu	14/07/2003	226801A	8.3	Giỏi	
136	136	c37	2268010023	Nguyễn Trọng	Hưng	13/10/2004	226801A	8.1	Giỏi	
137	137	c37	2268010026	Nguyễn Ngọc	Lâm	11/10/2004	226801A	7.2	Khá	
138	138	c37	2268010030	Nguyễn Ngọc	Long	16/01/2004	226801A	7.4	Khá	
139	139	c37	2268010037	Đỗ Xuân	Sơn	15/10/2004	226801A	8.2	Giỏi	
140	140	c37	2264010226	Lê Nguyên	Sơn	07/02/2004	226401D	8.9	Giỏi	
141	141	c37	2268010038	Nguyễn Trường	Sơn	28/06/2004	226801A	8.3	Giỏi	
142	142	c37	2264010227	Lê Xuân	Thái	08/02/2004	226401D	8.6	Giỏi	
143	143	c37	2264010228	Hắc Ngọc	Thắng	29/10/2004	226401D	8.9	Giỏi	
144	144	c37	2264030016	Đỗ Việt	Hải	30/03/2004	226403A	7.6	Khá	
145	145	c37	2264020122	Nguyễn Văn	Bảo	24/09/2001	226402A	7.4	Khá	
146	146	c37	2268010018	Trịnh Thu	Hiền	13/09/2004	226801A	8.1	Giỏi	
147	147	c37	2264030002	Lê Thị Vân	Anh	14/06/2004	226403A	8.5	Giỏi	
148	148	c37	2264030003	Lê Thị Vân	Anh	31/08/2004	226403A	7.9	Khá	
149	149	c37	2264030059	Phạm Quỳnh	Anh	17/12/2004	226403A	8.2	Giỏi	
150	150	c37	2264010219	Lê Thị	Nhung	19/08/2004	226401D	8.0	Giỏi	
151	151	c37	2264010220	Ngân Thị	Nhung	21/01/2004	226401D	7.9	Khá	
152	152	c37	2264010222	Lê Thị	Oanh	05/08/2000	226401D	9.5	Xuất sắc	
153	153	c37	2264010221	Lưu Thị Kim	Oanh	05/09/2004	226401D	8.2	Giỏi	
154	154	c37	2264010224	Vân Thị	Phương	09/03/2004	226401D	7.7	Khá	
155	155	c37	2264010225	Bùi Thị	Quỳnh	09/05/2004	226401D	8.2	Giỏi	
156	156	c37	2264010229	Lâm Thị Thanh	Thảo	05/10/2004	226401D	7.0	Khá	
157	157	c37	2264010230	Lê Thị	Thảo	15/06/2004	226401D	7.8	Khá	
158	158	c37	2264010232	Phạm Thị	Thương	01/10/2004	226401D	8.5	Giỏi	
159	159	c37	2264010234	Ngô Thị	Thùy	17/03/2004	226401D	7.3	Khá	
160	160	c37	2264010235	Lê Thị	Trang	25/09/2004	226401D	7.7	Khá	
161	161	c37	2264010236	Phạm Thu	Trang	26/12/2003	226401D	7.3	Khá	
162	162	c37	2264010237	Trương Thị Kiều	Trang	27/09/2003	226401D	8.5	Giỏi	
163	163	c37	2264010238	Võ Thị Ánh	Tuyết	18/03/2003	226401D	7.7	Khá	
164	164	c37	2268010009	Lê Viết	Cường	22/08/2003	226801A	8.2	Giỏi	
165	165	c37	2268010016	Hà Trung	Đức	19/07/2003	226801A	7.2	Khá	
166	166	c37	2268010015	Phùng Anh	Đức	31/07/2004	226801A	6.8	Trung bình	
167	167	c37	2268010011	Dương Công	Duy	26/04/2004	226801A	7.2	Khá	
168	168	c37	2268010017	Lê Phú	Hải	28/02/2003	226801A	7.5	Khá	
169	169	c37	2264030023	Đỗ Thị	Huyền	26/03/2003	226403A	7.4	Khá	
170	170	c37	2264030012	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	08/10/2004	226403A	8.1	Giỏi	
171	171	c37	2268010001	Nguyễn Chí	Anh	12/03/2004	226801A	8.5	Giỏi	
172	172	c37	2264030005	Trần Thị Quỳnh	Anh	13/09/2004	226403A	7.8	Khá	
173	173	c37	2264030004	Trịnh Thị Minh	Anh	10/08/2004	226403A	7.6	Khá	
174	174	c37	2268010006	Đỗ Lê Nguyệt	Ánh	09/10/2004	226801A	6.4	Trung bình	
175	175	c37	2268010007	Nguyễn Thị	Ánh	22/01/2004	226801A	6.7	Trung bình	
176	176	c37	2264030008	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	15/09/2004	226403A	8.7	Giỏi	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
177	177	c37	2268010008	Hà An	Bình	13/06/2004	226801A	7.2	Khá	
178	178	c37	2268010021	Nguyễn Thị	Hoài	08/06/2004	226801A	7.8	Khá	
179	179	c37	2268010020	Phạm Thanh	Hoài	08/12/2004	226801A	6.4	Trung bình	
180	180	c37	2268010022	Mạch Thị	Hồng	14/01/2004	226801A	8.4	Giỏi	
181	181	c37	2268010024	Lê Ngọc	Huyền	02/09/2004	226801A	9.1	Xuất sắc	
182	182	c37	2268010027	Nguyễn Thị Hương	Lê	01/01/2004	226801A	7.2	Khá	
183	183	c37	2268010028	Nguyễn Thị Thùy	Linh	01/02/2004	226801A	7.6	Khá	
184	184	c37	2268010029	Phạm Mai Thảo	Linh	28/08/2004	226801A	7.7	Khá	
185	185	c37	2168010029	Vũ Mai	Linh	15/12/2003	226801A	6.4	Trung bình	
186	186	c37	2268010031	Lê Thị	Ly	26/10/2004	226801A	7.5	Khá	
187	187	c37	2268010032	Lê Hồng	Minh	13/12/2004	226801A	7.1	Khá	
188	188	c37	2268010033	Ngô Thị Ngọc	Minh	17/09/2004	226801A	6.9	Trung bình	
189	189	c37	2268010034	Lê Thị	Nhật	01/11/2004	226801A	7.3	Khá	
190	190	c37	2268010039	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/09/2004	226801A	7.4	Khá	
191	191	c37	2268010040	Vũ Thị Huyền	Trang	06/06/2004	226801A	7.5	Khá	
192	192	c37	2168010058	Nguyễn Thị	Út	17/06/2003	226801A	8.0	Giỏi	
193	193	c37	2268010041	Đới Thị	Xuân	21/04/2004	226801A	8.3	Giỏi	
194	194	c38	2264030022	Lê Ngọc	Huy	20/12/2004	226403A	8.2	Giỏi	
195	195	c38	2264030021	Mai Mạnh	Huy	08/11/2004	226403A	7.0	Khá	
196	196	c38	2264030025	Lê Trung	Kiên	16/07/2003	226403A	6.9	Trung bình	
197	197	c38	2264030068	Nguyễn Tuấn	Phong	02/04/2004	226403A	8.9	Giỏi	
198	198	c38	2264030062	Lê Đỗ	Sang	28/02/2004	226403A	7.6	Khá	
199	199	c38	2264030043	LêBAT	Thắng	23/12/2004	226403A	8.3	Giỏi	
200	200	c38	2264030051	Bùi Mạnh	Trung	05/10/2004	226403A	8.3	Giỏi	
201	201	c38	2264030052	Lê Minh	Trung	19/10/2003	226403A	7.5	Khá	
202	202	c38	2264030053	Trần Mạnh	Trường	04/06/2004	226403A	8.0	Giỏi	
203	203	c38	2264030055	Lê Xuân	Tùng	01/03/2004	226403A	7.7	Khá	
204	204	c38	2264030056	Hà Quang	Vinh	26/12/2004	226403A	7.0	Khá	
205	205	c38	2264010011	Đỗ Lê	Dũng	17/01/2003	226401A	7.9	Khá	
206	206	c38	2264020120	Đỗ Mạnh	Hiệp	15/09/2002	226402A	6.9	Trung bình	
207	207	c38	2264010002	Hoàng Thu	An	05/06/2004	226401A	7.9	Khá	
208	208	c38	2264010004	Nguyễn Thị Lan	Anh	29/03/2004	226401A	8.5	Giỏi	
209	209	c38	2264010006	Tô Thị Ngọc	Anh	24/11/2003	226401A	8.1	Giỏi	
210	210	c38	2264010007	Lê Thị	Bích	27/06/2004	226401A	7.9	Khá	
211	211	c38	2264010008	Trần Mai	Chi	22/06/2003	226401A	8.8	Giỏi	
212	212	c38	2264030009	Vũ Thị Linh	Chi	07/03/2004	226403A	8.5	Giỏi	
213	213	c38	2264030001	Nguyễn Thị	Cúc	21/01/2004	226403A	8.2	Giỏi	
214	214	c38	2264030013	Vương Linh	Đan	29/04/2004	226403A	8.0	Giỏi	
215	215	c38	2264010013	Trần Thị	Giang	15/01/2004	226401A	7.9	Khá	
216	216	c38	2264010014	Nguyễn Thu	Hà	12/02/2001	226401A	8.0	Giỏi	
217	217	c38	2264010015	Nguyễn Thị	Hằng	14/07/2004	226401A	7.5	Khá	
218	218	c38	2264010016	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	10/07/2004	226401A	8.1	Giỏi	
219	219	c38	2264010018	Trịnh Thị Hồng	Hạnh	10/03/2004	226401A	6.9	Trung bình	
220	220	c38	2264010017	Vũ Thị	Hạnh	26/12/2004	226401A	7.7	Khá	
221	221	c38	2264030017	Nguyễn Thị Hoàng	Hậu	08/01/2004	226403A	8.4	Giỏi	
222	222	c38	2264010019	Thiều Thị	Hoa	19/03/2004	226401A	8.2	Giỏi	
223	223	c38	2264010020	Trần Thị Thu	Hoài	30/06/2004	226401A	7.9	Khá	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
224	224	c38	2264030018	Lê Thị	Hồng	19/03/2004	226403A	7.8	Khá	
225	225	c38	2264030070	Nguyễn Thị Mai	Hương	14/09/2004	226403A	8.1	Giỏi	
226	226	c38	2264030006	Lương Lê Tuấn	Anh	28/07/2004	226403A	8.8	Giỏi	
227	227	c38	2264030007	Nguyễn Nam	Anh	13/05/2004	226403A	8.7	Giỏi	
228	228	c38	2264030014	Lê Thành	Đạt	05/06/2004	226403A	7.4	Khá	
229	229	c38	2264030011	Lê Từ	Duân	23/09/2004	226403A	7.8	Khá	
230	230	c38	2264030015	Phạm Việt	Hà	28/05/2004	226403A	7.4	Khá	
231	231	c38	2264030019	Cao Đức	Hùng	17/04/2004	226403A	7.5	Khá	
232	232	c38	2264030072	Lê Thị	Huyền	03/10/2004	226403A	8.6	Giỏi	
233	233	c38	2264030026	Nguyễn Khánh	Lan	20/02/2004	226403A	7.8	Khá	
234	234	c38	2264030027	Nguyễn Thị	Lan	01/01/2004	226403A	8.3	Giỏi	
235	235	c38	2264030028	Lưu Phương	Linh	08/04/2004	226403A	7.8	Khá	
236	236	c38	2264030029	Nguyễn Thị Thùy	Linh	01/02/2004	226403A	9.1	Xuất sắc	
237	237	c38	2264030030	Chu Thị	Ly	01/12/2004	226403A	7.1	Khá	
238	238	c38	2264030063	Đỗ Thị Diệu	Ly	23/11/2004	226403A	6.9	Trung bình	
239	239	c38	2264030031	Nguyễn Khánh	Ly	02/08/2004	226403A	7.5	Khá	
240	240	c38	2264030032	Trương Thị Hương	Ly	01/10/2003	226403A	7.7	Khá	
241	241	c38	2264030071	Lê Thị	Mai	13/11/2004	226403A	6.9	Trung bình	
242	242	c38	2264030034	Cầm Thị	Minh	22/01/2004	226403A	7.3	Khá	
243	243	c38	2166010017	Bùi Thị	Môn	02/02/2003	216601A	8.0	Giỏi	
244	244	c38	2264030035	Nguyễn Thị	Ngân	01/08/2002	226403A	7.5	Khá	
245	245	c38	2264030037	Bùi Thị	Nhung	07/07/2004	226403A	8.3	Giỏi	
246	246	c38	2264030036	Hồ Thị Hồng	Nhung	25/12/2004	226403A	8.5	Giỏi	
247	247	c38	2166010024	Triệu Thị	Nhung	14/02/2003	216601A	8.3	Giỏi	
248	248	c38	2264030038	Nguyễn Thị Hà	Oanh	23/09/2004	226403A	7.7	Khá	
249	249	c38	2264030039	Nguyễn Thị	Phương	13/04/2003	226403A	7.9	Khá	
250	250	c38	2264030040	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/12/2004	226403A	8.8	Giỏi	
251	251	c38	2166010026	Cao Như	Quỳnh	10/05/2003	216601A	7.2	Khá	
252	252	c38	2264030067	Trịnh Thu	Thảo	02/01/2004	226403A	8.5	Giỏi	
253	253	c38	2264030065	Bùi Thị Minh	Thu	19/02/2004	226403A	7.0	Khá	
254	254	c38	2264030046	Mai Thị Thu	Thủy	17/12/2004	226403A	7.5	Khá	
255	255	c38	2264030049	Hoàng Thị	Trang	02/04/2004	226403A	7.9	Khá	
256	256	c38	2264030048	Thiều Thị Kiều	Trang	20/12/2004	226403A	8.0	Giỏi	
257	257	c38	2264030058	Lưu Thị Hải	Yến	01/01/2004	226403A	8.2	Giỏi	
258	258	c39	2264010003	Đỗ Tuấn	Anh	17/04/2004	226401A	7.9	Khá	
259	259	c39	2264010009	Hà Minh	Chiến	13/01/2004	226401A	8.2	Giỏi	
260	260	c39	2264010012	Nguyễn Hữu	Đức	22/07/2004	226401A	7.8	Khá	
261	261	c39	2264020030	Nguyễn Duy	Nam	23/10/2003	226402A	5.2	Trung bình	
262	262	c39	2264020033	Trần Hữu	Nguyên	20/07/1997	226402A	9.3	Xuất sắc	
263	263	c39	2264020035	Lê Anh	Quân	04/09/2004	226402A	7.8	Khá	
264	264	c39	2264020103	Nguyễn Minh	Quân	01/04/2004	226402A	6.7	Trung bình	
265	265	c39	2264020037	Đàm Lê	Quyền	30/09/2004	226402A	7.1	Khá	
266	266	c39	2264020108	Mai Xuân	Sang	25/05/2004	226402A	7.5	Khá	
267	267	c39	2264020042	Nguyễn Văn	Thuyền	03/09/2004	226402A	7.6	Khá	
268	268	c39	2264010036	Nguyễn Ngọc	Mạnh	28/05/2004	226401A	7.1	Khá	
269	269	c39	2264010052	Nguyễn Thị Lệ	Thương	12/08/2004	226401A	7.9	Khá	
270	270	c39	2264010005	Trần Quỳnh	Anh	28/06/2004	226401A	8.5	Giỏi	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
271	271	c39	2264020004	Lê Thị Kim	Anh	12/12/2004	226402A	8.3	Giỏi	
272	272	c39	2264020005	Nguyễn Bảo	Anh	11/02/2004	226402A	7.5	Khá	
273	273	c39	2264020006	Nguyễn Lan	Anh	19/02/2004	226402A	7.7	Khá	
274	274	c39	2264020002	Nguyễn Thị Việt	Anh	28/06/2004	226402A	8.4	Giỏi	
275	275	c39	2264010021	Nguyễn Thị	Hồng	05/04/2004	226401A	7.8	Khá	
276	276	c39	2264010022	Nguyễn Thị	Huệ	21/05/2003	226401A	8.0	Giỏi	
277	277	c39	2264010023	Lê Thị	Hương	26/01/2004	226401A	7.3	Khá	
278	278	c39	2264010024	Trịnh Thu	Hường	31/07/2004	226401A	6.9	Trung bình	
279	279	c39	2264010027	Lê Thị Thanh	Huyền	14/02/2004	226401A	8.1	Giỏi	
280	280	c39	2264010026	Trịnh Thị Thanh	Huyền	01/01/2004	226401A	8.4	Giỏi	
281	281	c39	2264010028	Trương Thị	Lan	05/12/2004	226401A	7.7	Khá	
282	282	c39	2264010030	Hà Thị Phương	Linh	15/08/2004	226401A	8.7	Giỏi	
283	283	c39	2264010031	Lê Thị Thùy	Linh	11/03/2004	226401A	7.1	Khá	
284	284	c39	2264010032	Tổng Khánh	Linh	24/11/2004	226401A	7.6	Khá	
285	285	c39	2264010033	Trịnh Mai	Linh	07/10/2004	226401A	7.9	Khá	
286	286	c39	2264010034	Trịnh Thị	Loan	19/10/2004	226401A	8.5	Giỏi	
287	287	c39	2264010035	Hoàng Thu	Mai	01/11/2004	226401A	8.8	Giỏi	
288	288	c39	2264020003	Lê Sỹ	An	02/03/2004	226402A	7.4	Khá	
289	289	c39	2264020052	Nguyễn Đức	Anh	20/04/2004	226402A	6.8	Trung bình	
290	290	c39	2264020007	Nguyễn Tuấn	Anh	05/11/2004	226402A	7.9	Khá	
291	291	c39	2264020008	Phí Quốc	Anh	14/09/2004	226402A	7.4	Khá	
292	292	c39	2264020013	Nguyễn Ngọc	Bảo	18/09/2004	226402A	7.7	Khá	
293	293	c39	2264020017	Nguyễn Huy	Đàm	10/10/2004	226402A	7.8	Khá	
294	294	c39	2264020001	Lê Anh	Dũng	11/12/2001	226402A	7.3	Khá	
295	295	c39	2264020015	Lê Mạnh	Dũng	19/11/2004	226402A	7.6	Khá	
296	296	c39	2264020014	Nguyễn Bá	Dũng	16/10/2004	226402A	7.7	Khá	
297	297	c39	2264020016	Lương Duy	Dương	07/11/2004	226402A	7.8	Khá	
298	298	c39	2264020111	Trần Khánh	Duy	09/09/2004	226402A	7.3	Khá	
299	299	c39	2264020019	Lê Văn	Hưng	21/09/2004	226402A	7.8	Khá	
300	300	c39	2264020025	Nguyễn Văn	Linh	11/02/2003	226402A	7.3	Khá	
301	301	c39	2264010037	Lê Phạm Trà	My	12/01/2004	226401A	7.4	Khá	
302	302	c39	2264010039	Lê Thị	Ngọc	10/05/2004	226401A	7.7	Khá	
303	303	c39	2264010040	Hà Thị	Nhàn	08/03/2004	226401A	8.3	Giỏi	
304	304	c39	2264010041	Lê Yến	Nhi	24/11/2004	226401A	8.2	Giỏi	
305	305	c39	2264010042	Lê Thị	Nhung	25/04/2004	226401A	7.1	Khá	
306	306	c39	2264010043	Nguyễn Trang	Nhung	10/11/2003	226401A	8.0	Giỏi	
307	307	c39	2264010044	Trịnh Thị Kim	Oanh	23/01/2004	226401A	7.8	Khá	
308	308	c39	2264010001	Lê Thu	Phương	04/02/2003	226401A	8.5	Giỏi	
309	309	c39	2264010045	Nguyễn Thị	Phương	20/12/2004	226401A	8.1	Giỏi	
310	310	c39	2264010046	Nguyễn Thị	Phượng	21/09/2004	226401A	7.3	Khá	
311	311	c39	2264010047	Lê Thị Như	Quỳnh	01/05/2004	226401A	8.7	Giỏi	
312	312	c39	2264010048	Lê Thị	Tâm	17/10/2004	226401A	9.0	Xuất sắc	
313	313	c39	2264010050	Nguyễn Phương	Thảo	30/03/2004	226401A	8.2	Giỏi	
314	314	c39	2264010051	Bùi Thị Na	Thư	18/06/2004	226401A	8.1	Giỏi	
315	315	c39	2264010053	Nguyễn Thanh	Thúy	01/08/2004	226401A	7.9	Khá	
316	316	c39	2264010054	Phạm Thị	Thùy	20/09/2004	226401A	7.2	Khá	
317	317	c39	2264010055	Phạm Thị Thu	Thùy	15/01/2004	226401A	9.2	Xuất sắc	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
318	318	c39	2264010056	Lê Thị	Trang	24/10/2004	226401A	7.1	Khá	
319	319	c39	2264010058	Phạm Thị Huyền	Trang	21/07/2004	226401A	7.1	Khá	
320	320	c39	2264010057	Vũ Huyền	Trang	19/08/2004	226401A	8.0	Giỏi	
321	321	c39	2264010059	Lê Thị Hồng	Vân	15/05/2004	226401A	8.3	Giỏi	
322	322	c40	2264010069	Đào Xuân	Cường	06/02/2004	226401B	7.1	Khá	
323	323	c40	2264010081	Bùi Mạnh	Hưng	17/10/2004	226401B	7.2	Khá	
324	324	c40	2264070017	Đỗ Xuân	Minh	19/02/1995	226407A	8.1	Giỏi	
325	325	c40	2264010092	Lưu Vĩnh Quang	Minh	10/02/2002	226401B	6.9	Trung bình	
326	326	c40	2264010099	Nguyễn Trường	Phước	25/09/2004	226401B	7.6	Khá	
327	327	c40	2264070020	Nguyễn Thế	Quân	22/04/2004	226407A	8.7	Giỏi	
328	328	c40	2264010105	Nguyễn Anh	Thanh	27/02/2004	226401B	7.3	Khá	
329	329	c40	2264070025	Lự Công	Toại	12/07/2004	226407A	7.8	Khá	
330	330	c40	2264060032	Lương Xuân	Toàn	04/04/2003	226406A	7.5	Khá	
331	331	c40	2264060041	Trịnh Minh	Triết	30/07/2003	226406A	7.2	Khá	
332	332	c40	2264060033	Trịnh Xuân	Trường	14/09/2004	226406A	7.2	Khá	
333	333	c40	2264010115	Đàm Cao Anh	Tuấn	08/08/2004	226401B	7.7	Khá	
334	334	c40	2264060035	Vũ Hoàng Anh	Vũ	02/08/2004	226406A	7.7	Khá	
335	335	c40	2264060029	Phạm Hồng	Thanh	01/04/2004	226406A	8.1	Giỏi	
336	336	c40	2264070003	Đỗ Thị Lan	Anh	06/07/2004	226407A	7.3	Khá	
337	337	c40	2264070002	Lê Thị	Anh	29/03/2004	226407A	8.2	Giỏi	
338	338	c40	2264060004	Đoàn Minh	Ánh	07/07/2004	226406A	7.6	Khá	
339	339	c40	2264070004	Lê Thị Ngọc	Ánh	02/02/2003	226407A	8.7	Giỏi	
340	340	c40	2264070005	Đinh Thị Ngọc	Bích	25/04/2004	226407A	8.1	Giỏi	
341	341	c40	2264070006	Phạm Thị	Chi	05/05/2004	226407A	8.0	Giỏi	
342	342	c40	2069020007	Nguyễn Thị	Dung	17/02/2001	206902A	7.1	Khá	
343	343	c40	2069020008	Hồ Thúy	Hằng	16/11/2002	206902A	8.2	Giỏi	
344	344	c40	2264070007	Đỗ Thị Nguyên	Hạnh	07/09/2004	226407A	9.0	Xuất sắc	
345	345	c40	2264070008	Trần Thị	Hoài	06/07/2004	226407A	8.0	Giỏi	
346	346	c40	2264070009	Nguyễn Thị	Huệ	07/12/2004	226407A	7.9	Khá	
347	347	c40	2264070011	Nguyễn Thị	Huyền	30/11/2003	226407A	8.4	Giỏi	
348	348	c40	2264070030	Vũ Thị	Kiều	18/01/2003	226407A	7.6	Khá	
349	349	c40	2264070012	Lê Thị Thanh	Lam	11/10/2004	226407A	7.8	Khá	
350	350	c40	2264070014	Thiều Thị	Liên	16/04/2003	226407A	7.7	Khá	
351	351	c40	2264070016	Lê Thị	Linh	05/02/2004	226407A	8.2	Giỏi	
352	352	c40	2069020015	Lương Vũ Khánh	Linh	14/09/2002	206902A	7.6	Khá	
353	353	c40	2264070015	Vũ Thị Hoài	Linh	01/05/2004	226407A	7.5	Khá	
354	354	c40	2264070029	Mai Út	Năm	17/07/2004	226407A	7.9	Khá	
355	355	c40	2169020033	Trương Thị	Thảo	03/03/2003	216902A	7.1	Khá	
356	356	c40	2264060017	Trịnh Đình	Kiên	02/08/2003	226406A	7.2	Khá	
357	357	c40	2264060019	Lê Văn	Lợi	08/12/2004	226406A	7.9	Khá	
358	358	c40	2264060026	Đỗ Minh	Quân	19/09/2003	226406A	8.1	Giỏi	
359	359	c40	2264060027	Lưu Đức	Quân	10/10/2004	226406A	7.7	Khá	
360	360	c40	2264060024	Phạm Văn	Quân	15/03/2004	226406A	7.5	Khá	
361	361	c40	2264060037	Nguyễn Trọng	Sơn	17/05/2000	226406A	8.2	Giỏi	
362	362	c40	2264020009	Phạm Lê Quỳnh	Anh	26/08/2004	226402A	6.6	Trung bình	
363	363	c40	2264020011	Lê Thị Hồng	Ánh	10/01/2004	226402A	7.4	Khá	
364	364	c40	2169020002	Hà Ngọc	Chi	22/11/2003	216902A	6.2	Trung bình	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
365	365	c40	2264020118	Phạm Thị Kim	Cúc	22/05/2004	226402A	7.5	Khá	
366	366	c40	2264020018	Trần Thị Bích	Hạnh	13/01/2004	226402A	8.6	Giỏi	
367	367	c40	2161020011	Lê Thị	Hậu	25/10/2003	216102A	7.9	Khá	
368	368	c40	2264020020	Đào Thanh	Hương	21/07/2004	226402A	8.1	Giỏi	
369	369	c40	2264020022	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/07/2003	226402A	7.6	Khá	
370	370	c40	2264020023	Nguyễn Thị	Liên	01/02/2004	226402A	7.7	Khá	
371	371	c40	2264020028	Nguyễn Thị	Luật	28/11/2002	226402A	7.4	Khá	
372	372	c40	2161020019	Nguyễn Thảo	My	24/07/2003	216102A	8.2	Giỏi	
373	373	c40	2264070018	Nguyễn Thị	Ngân	24/11/2004	226407A	8.5	Giỏi	
374	374	c40	2264020031	Đỗ Thị Quỳnh	Ngọc	08/07/2004	226402A	8.0	Giỏi	
375	375	c40	2264020032	Lê Thị Thảo	Nguyên	27/03/2004	226402A	7.2	Khá	
376	376	c40	2264020034	Nguyễn Thị Yến	Nhi	13/11/2004	226402A	7.6	Khá	
377	377	c40	2264070022	Đỗ Ngọc	Quỳnh	19/01/2004	226407A	8.2	Giỏi	
378	378	c40	2264020038	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	02/10/2004	226402A	7.2	Khá	
379	379	c40	2264070021	Phạm Ngọc	Quỳnh	01/06/2004	226407A	8.3	Giỏi	
380	380	c40	2264020039	Phạm Thị	Tâm	14/01/2004	226402A	8.0	Giỏi	
381	381	c40	2161020030	Nguyễn Thị	Thảo	02/04/2003	216102A	8.1	Giỏi	
382	382	c40	2264070024	Bùi Vũ Hoài	Thương	06/11/2004	226407A	8.0	Giỏi	
383	383	c40	2264020043	Lê Thị	Trang	21/10/2004	226402A	7.7	Khá	
384	384	c40	2264020044	Phùng Thu	Trang	22/10/2003	226402A	7.5	Khá	
385	385	c40	2264020109	Nguyễn Thị	Trúc	19/05/2004	226402A	6.6	Trung bình	
386	386	c40	2264070028	Lê Thị Thanh	Tú	09/10/2004	226407A	8.3	Giỏi	
387	387	c40	2264020046	Nguyễn Thị Bích	Vi	19/07/2004	226402A	8.0	Giỏi	
388	388	c40	2264020048	Phạm Thanh	Xuân	05/10/2004	226402A	7.3	Khá	
389	389	c40	1969020003	Lê Thị Phương	Huế	16/08/2001	196902A	7.5	Khá	
390	390	c41	2261070001	Doãn Ngọc	Ánh	14/02/2003	226107A	7.8	Khá	
391	391	c41	2261070004	Hồ Công	Điệp	14/08/1999	226107A	7.8	Khá	
392	392	c41	2261070002	Trịnh Minh	Dũng	02/12/2002	226107A	7.9	Khá	
393	393	c41	2261070003	Nguyễn Siêu	Duy	28/12/2003	226107A	7.6	Khá	
394	394	c41	2261070005	Doãn Thanh	Hoài	14/12/2004	226107A	7.1	Khá	
395	395	c41	2261070016	Trần Nhật	Hùng	16/03/2001	226107A	7.7	Khá	
396	396	c41	2261070006	Phùng Quốc	Hưng	14/05/2004	226107A	7.3	Khá	
397	397	c41	2261070007	Phạm Bá	Lợi	24/07/2004	226107A	6.3	Trung bình	
398	398	c41	2261070008	Phan Đình	Sơn	25/09/2001	226107A	8.2	Giỏi	
399	399	c41	2261070010	Ngô Anh	Thắng	15/03/2004	226107A	7.7	Khá	
400	400	c41	2261070009	Hoàng Xuân	Tiến	11/05/2003	226107A	6.2	Trung bình	
401	401	c41	2261070012	Trần Việt	Toàn	06/09/2003	226107A	7.0	Khá	
402	402	c41	2261070013	Hoàng Anh	Tuấn	25/03/2004	226107A	7.8	Khá	
403	403	c41	2261070014	Hoàng Anh	Tuấn	26/10/2004	226107A	7.1	Khá	
404	404	c41	2261070015	Trịnh Thành	Vinh	27/07/2004	226107A	7.2	Khá	
405	405	c41	2264010061	Lê Hoài	An	22/01/2004	226401B	7.6	Khá	
406	406	c41	2264010062	Lê Thị Mai	Anh	01/12/2004	226401B	7.3	Khá	
407	407	c41	2264010063	Phạm Thị Vân	Anh	19/09/2004	226401B	7.6	Khá	
408	408	c41	2264010065	Trịnh Mai	Anh	18/12/2004	226401B	8.1	Giỏi	
409	409	c41	2264010064	Trịnh Thị Ngọc	Anh	25/09/2004	226401B	7.3	Khá	
410	410	c41	2264010066	Lê Bảo	Châu	14/09/2003	226401B	8.1	Giỏi	
411	411	c41	2264060009	Lê Thị	Giang	10/10/2004	226406A	7.4	Khá	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
412	412	c41	2166010012	Nguyễn Thị	Linh	09/07/2003	216601A	8.5	Giỏi	
413	413	c41	2264060010	Văn Thị Hương	Giang	25/12/2004	226406A	7.7	Khá	
414	414	c41	2264060012	Lê Thị	Hằng	21/02/2004	226406A	7.2	Khá	
415	415	c41	2264060011	Nguyễn Thị	Hằng	11/06/2004	226406A	7.5	Khá	
416	416	c41	2264060013	Lê Thị	Hòa	21/02/2004	226406A	8.0	Giỏi	
417	417	c41	2264060018	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/08/2004	226406A	6.9	Trung bình	
418	418	c41	2264060020	Lê Thị	Mai	09/09/2004	226406A	8.0	Giỏi	
419	419	c41	2166010009	Vi Thị	Hậu	17/03/2003	216601A	7.6	Khá	
420	420	c41	2264060022	Hà Thị Quỳnh	Như	27/02/2004	226406A	7.8	Khá	
421	421	c41	2264060038	Lê Thị	Oanh	09/07/2004	226406A	7.7	Khá	
422	422	c41	2264060023	Lê Thị Thu	Phượng	11/08/2004	226406A	7.5	Khá	
423	423	c41	2166010025	Phan Thục	Quyên	24/03/2003	216601A	6.5	Trung bình	
424	424	c41	2264060031	Lê Thị Quỳnh	Thu	26/08/2004	226406A	7.9	Khá	
425	425	c41	2166010029	Trương Thị	Tuyết	05/01/2003	216601A	7.2	Khá	
426	426	c41	2264060003	Lê Đức	Anh	08/12/2003	226406A	7.5	Khá	
427	427	c41	2264060002	Nguyễn Sỹ Quốc	Anh	30/08/2004	226406A	6.1	Trung bình	
428	428	c41	2264060006	Nguyễn Văn	Cường	26/02/2004	226406A	8.0	Giỏi	
429	429	c41	2264060008	Trịnh Văn	Đoan	08/06/2004	226406A	7.5	Khá	
430	430	c41	2264060007	Đặng Nam	Dương	23/01/2004	226406A	7.2	Khá	
431	431	c41	2264060014	Ngô Quang	Hưng	19/05/2004	226406A	7.8	Khá	
432	432	c41	2264060015	Ngô Thanh	Huy	19/08/2004	226406A	7.8	Khá	
433	433	c41	2264060016	Trần Nguyên	Huy	25/02/2004	226406A	6.8	Trung bình	
434	434	c41	2264010068	Quách Hiền	Chi	14/09/2004	226401B	8.0	Giỏi	
435	435	c41	2264010067	Trần Thị Linh	Chi	21/09/2004	226401B	7.8	Khá	
436	436	c41	2264010070	Phạm Thị Mai	Dung	16/04/2004	226401B	7.4	Khá	
437	437	c41	2264010071	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/01/2004	226401B	7.8	Khá	
438	438	c41	2264010072	Lê Thị Hương	Giang	20/04/2004	226401B	7.7	Khá	
439	439	c41	2264010073	Lê Thị Thu	Hà	30/07/2004	226401B	7.2	Khá	
440	440	c41	2264010074	Nguyễn Thị Thanh	Hải	13/08/2004	226401B	7.5	Khá	
441	441	c41	2264010075	Đỗ Thị	Hằng	19/12/2004	226401B	7.7	Khá	
442	442	c41	2264010076	Lê Thúy	Hiền	20/01/2004	226401B	7.6	Khá	
443	443	c41	2264010077	Nguyễn Thị	Hòa	20/08/2004	226401B	7.4	Khá	
444	444	c41	2264010078	Trịnh Thị Thu	Hoài	23/01/2004	226401B	8.1	Giỏi	
445	445	c41	2264010079	Nguyễn Thị	Hồng	02/02/2004	226401B	7.6	Khá	
446	446	c41	2264010080	Hoàng Thị	Huệ	13/08/2004	226401B	7.2	Khá	
447	447	c41	2264010082	Trịnh Thị Thu	Hương	06/02/2004	226401B	7.8	Khá	
448	448	c41	2166010027	Trương Thị	Thư	20/08/2003	216601A	7.4	Khá	
449	449	c41	2264010083	Lê Thị Thúy	Huyền	23/08/2004	226401B	7.4	Khá	
450	450	c41	2264010200	Vũ Thị	Huyền	10/04/2004	226401B	7.9	Khá	
451	451	c41	2264010084	Lê Thị	Lam	20/02/2004	226401B	7.9	Khá	
452	452	c41	2264010085	Lê Thị Hạ	Lam	25/07/2004	226401B	7.8	Khá	
453	453	c41	2264010086	Nguyễn Ngọc	Lê	24/09/2004	226401B	8.3	Giỏi	
454	454	c41	2264010029	Đào Thị	Linh	04/10/2004	226401B	7.8	Khá	
455	455	c41	2264010087	Ngô Thị Thúy	Linh	09/04/2004	226401B	8.7	Giỏi	
456	456	c41	2264010088	Trần Khánh	Linh	05/11/2004	226401B	7.6	Khá	
457	457	c41	2264010089	Trịnh Thị	Linh	27/05/2004	226401B	8.9	Giỏi	
458	458	c41	2264010090	Trịnh Thị Hiền	Lương	19/04/2004	226401B	8.3	Giỏi	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
459	459	c41	2264010093	Lê Thị Trà	My	13/12/2003	226401B	7.0	Khá	
460	460	c41	2264010094	Nguyễn Thị	Nga	10/04/2004	226401B	7.2	Khá	
461	461	c41	2264010095	Lê Thị	Ngọc	05/04/2004	226401B	7.2	Khá	
462	462	c41	2264010096	Nguyễn Thanh	Nhàn	15/12/2004	226401B	8.4	Giỏi	
463	463	c42	2064030003	Lê Đức	Anh	22/04/2002	206403A	9.0	Xuất sắc	
464	464	c42	2264020066	Đặng Nguyễn Gia	Huy	08/12/2004	226402B	7.5	Khá	
465	465	c42	2264020078	Trần Quang	Ngọc	12/07/2004	226402B	7.0	Khá	
466	466	c42	2264020079	Nguyễn Đức	Nhân	05/08/2004	226402B	7.0	Khá	
467	467	c42	2264020084	Lộc Văn	Quang	03/11/2003	226402B	7.8	Khá	
468	468	c42	2264020090	Hoàng Thái	Tú	25/05/2004	226402B	7.9	Khá	
469	469	c42	2264020093	Nguyễn Công	Văn	01/02/2004	226402B	7.4	Khá	
470	470	c42	2264020094	Lê Hoàng	Việt	14/10/2004	226402B	8.5	Giỏi	
471	471	c42	2264020095	Lê Xuân Thành	Vinh	26/11/2004	226402B	7.5	Khá	
472	472	c42	2264020099	Nguyễn Thế	Vinh	20/06/2004	226402B	7.4	Khá	
473	473	c42	2264020096	Trần Lan Hoàng	Vũ	06/03/2002	226402B	6.9	Trung bình	
474	474	c42	2264020097	Lê Văn	Vương	10/08/2004	226402B	7.8	Khá	
475	475	c42	2264020092	Nguyễn Thị	Tuyết	05/01/2004	226402B	7.4	Khá	
476	476	c42	2264020049	Nguyễn Thị Phương	An	15/05/2004	226402B	8.4	Giỏi	
477	477	c42	2264020050	Lê Lan	Anh	01/10/2004	226402B	8.7	Giỏi	
478	478	c42	2264020051	Lê Thị Mai	Anh	25/12/2004	226402B	8.0	Giỏi	
479	479	c42	2164020169	Nguyễn Thị	Hằng	27/11/2003	216402A	7.4	Khá	
480	480	c42	2264010097	Đinh Thị Hồng	Nhung	13/12/2004	226401B	7.5	Khá	
481	481	c42	2264010098	Phạm Thị	Nhung	28/10/2004	226401B	7.3	Khá	
482	482	c42	2264010100	Nguyễn Thị Vân	Phương	13/11/2004	226401B	8.3	Giỏi	
483	483	c42	2264010103	Bùi Thị	Quỳnh	04/12/2001	226401B	8.4	Giỏi	
484	484	c42	2264010102	Lê Thị	Quỳnh	02/06/2004	226401B	7.1	Khá	
485	485	c42	2264010104	Mạch Thị	Tâm	07/07/2004	226401B	7.7	Khá	
486	486	c42	2264010106	Nguyễn Thị	Thảo	11/04/2004	226401B	8.3	Giỏi	
487	487	c42	2264010107	Vũ Thanh	Thảo	22/02/2004	226401B	7.3	Khá	
488	488	c42	2264010108	Nghiêm Thị Anh	Thư	19/05/2003	226401B	7.8	Khá	
489	489	c42	2264010118	Nguyễn Thị Khánh	Xuân	18/6/2004	226401B	8.3	Giỏi	
490	490	c42	2264010109	Trần Thị	Thùy	11/10/2004	226401B	7.3	Khá	
491	491	c42	2264010111	Đào Thị	Thùy	20/08/2003	226401B	7.3	Khá	
492	492	c42	2264010110	Trần Thanh	Thùy	13/11/2004	226401B	7.8	Khá	
493	493	c42	2264010112	Lê Ngọc Bảo	Trâm	17/10/2004	226401B	7.6	Khá	
494	494	c42	2264010113	Hoàng Thị Thu	Trang	21/07/2004	226401B	8.3	Giỏi	
495	495	c42	2264010114	Lê Thị	Trang	25/10/2004	226401B	8.1	Giỏi	
496	496	c42	2264010116	Hà Thị Tiểu	Vi	07/08/2004	226401B	8.4	Giỏi	
497	497	c42	2264010117	Vi Thị Lê	Vy	05/12/2004	226401B	8.5	Giỏi	
498	498	c42	2264020053	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	20/12/2003	226402B	8.1	Giỏi	
499	499	c42	2264020054	Trần Hữu Tuấn	Anh	10/05/2004	226402B	8.3	Giỏi	
500	500	c42	2264020060	Lê Quang	Dương	17/12/2004	226402B	6.8	Trung bình	
501	501	c42	2264020106	Phạm Văn	Giáp	18/08/2004	226402B	6.9	Trung bình	
502	502	c42	2264020065	Phạm Khắc	Hưng	13/03/2004	226402B	8.8	Giỏi	
503	503	c42	2264020114	Trịnh Ngọc	Linh	21/04/2004	226402B	8.5	Giỏi	
504	504	c42	2264020115	Mai Thị	Ánh	13/09/2004	226402B	7.7	Khá	
505	505	c42	2264020057	Hoàng Thị	Diệu	18/02/2004	226402B	8.4	Giỏi	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
506	506	c42	2264020104	Nguyễn Thị	Dung	17/04/2003	226402B	7.7	Khá	
507	507	c42	2264020059	Nguyễn Thị	Dương	21/05/2004	226402B	7.1	Khá	
508	508	c42	2264020062	Hoàng Thị Thu	Hà	27/02/2004	226402B	8.1	Giỏi	
509	509	c42	2264020063	Phạm Thị Ngọc	Hà	09/08/2004	226402B	8.0	Giỏi	
510	510	c42	2264020064	Lê Thị	Hiếu	18/02/2004	226402B	8.8	Giỏi	
511	511	c42	2264020068	Lê Thị	Huyền	22/01/2001	226402B	8.4	Giỏi	
512	512	c42	2264020112	Lê Thị	Huyền	14/10/2004	226402B	7.6	Khá	
513	513	c42	2264020067	Trịnh Khánh	Huyền	12/08/2004	226402B	8.1	Giỏi	
514	514	c42	2264020069	Lê Thị	Lam	22/03/2003	226402B	8.1	Giỏi	
515	515	c42	2264020070	Cao Thị	Linh	25/09/2004	226402B	8.4	Giỏi	
516	516	c42	2264020072	Lê Khánh	Linh	19/11/2004	226402B	8.1	Giỏi	
517	517	c42	2264020073	Trần Thị Hà	Linh	08/01/2003	226402B	8.2	Giỏi	
518	518	c42	2264020071	Trịnh Thị Thùy	Linh	07/09/2004	226402B	8.1	Giỏi	
519	519	c42	2264020074	Lê Thị	Mai	13/04/2004	226402B	7.8	Khá	
520	520	c42	2264020075	Nguyễn Thị	Mai	03/03/2004	226402B	7.9	Khá	
521	521	c42	2264020077	Nguyễn Minh	Ngọc	09/11/2004	226402B	7.6	Khá	
522	522	c42	2264020080	Phan Thị Hồng	Nhung	19/02/2004	226402B	7.3	Khá	
523	523	c42	2264020081	Lê Thị	Phương	10/08/2004	226402B	7.4	Khá	
524	524	c42	2264020082	Hoàng Hồng	Phượng	21/05/2004	226402B	7.4	Khá	
525	525	c42	2264020085	Đặng Thị	Quỳnh	16/06/2004	226402B	7.2	Khá	
526	526	c42	2264020086	Lê Thị Hải	Quỳnh	28/12/2004	226402B	8.2	Giỏi	
527	527	c42	2264020088	Nguyễn Thị Hoài	Thu	01/03/2004	226402B	7.0	Khá	
528	528	c42	2264020089	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/04/2004	226402B	7.8	Khá	
	II		VLVH							
529	1	c34	207203C001	Lưu Văn	Cương	04/01/1991	207203CA	7.8	Khá	
530	2	c34	207203C002	Trịnh Đình	Dũng	05/08/1989	207203CA	7.4	Khá	
531	3	c34	207203C005	Dương Thị	Hiền	17/06/1986	207203CA	7.2	Khá	
532	4	c34	207203C007	Nguyễn Hữu	Sinh	20/06/1988	207203CA	8.3	Giỏi	
533	5	c34	207203T501	Lê Văn	Dũng	20/11/1993	207203TA	7.8	Khá	
534	6	c34	207203T002	Nguyễn Mạnh	Hòa	25/08/1993	207203TA	7.1	Khá	
535	7	c34	207203T503	Lương Tú	Long	06/04/1986	207203TA	7.1	Khá	
536	8	c34	207107T001	Phạm Ngọc	Anh	05/06/1995	207107TA	8.0	Giỏi	
537	9	c34	217107C506	Vũ Văn	Tân	13/08/1988	217107B	7.5	Khá	
538	10	c34	217402T505	Phạm Hồng	Quân	19/09/1983	217402B	7.3	Khá	
539	11	c34	217402D505	Lê Nguyễn	Vọng	23/09/1981	217402B	8.2	Giỏi	
540	12	c34	217302T601	Nguyễn Văn	Dương	05/08/1995	217302C	6.7	Trung bình	
541	13	c34	217302D604	Đỗ Văn	Thành	23/02/1984	217302C	7.3	Khá	
542	14	c34	217203C600	Lê Tuấn	Anh	16/12/1996	217203C	7.1	Khá	
543	15	c34	217203T600	Lê Trạc	Đạt	17/03/1996	217203C	6.8	Trung bình	
544	16	c34	217203T601	Nguyễn Văn	Đức	02/09/1990	217203C	7.0	Khá	
545	17	c34	217203C602	Nguyễn Tiến	Dũng	10/10/1995	217203C	6.5	Trung bình	
546	18	c34	217203T602	Nguyễn Ngọc	Hiếu	30/04/1990	217203C	7.3	Khá	
547	19	c34	217203C604	Lê Sỹ	Long	31/08/1987	217203C	6.9	Trung bình	
548	20	c34	217203C605	Nguyễn Thị	Nhung	20/11/1989	217203C	7.0	Khá	
549	21	c34	217203T603	Vũ Thanh	Tuân	10/11/1982	217203C	8.1	Giỏi	
550	22	c34	217203C607	Lê Thị	Xinh	14/01/1987	217203C	7.0	Khá	
551	23	c34	218107T600	Nguyễn Ngọc	Hoàn	08/04/1982	218107C	6.7	Trung bình	
552	24	c34	218107T601	Lê Văn	Hoạt	24/04/1987	218107C	7.0	Khá	
553	25	c34	218107T602	Hoàng Văn	Quảng	12/12/1974	218107C	7.1	Khá	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
554	26	c34	217308T602	Đào Văn	Hải	24/01/1991	217308C	7.3	Khá	
555	27	c34	217308T603	Trần Khả	Kiên	02/11/1987	217308C	7.6	Khá	
556	28	c34	217308T604	Phạm Văn	Lý	14/04/1976	217308C	7.9	Khá	
557	29	c34	217308T605	Đỗ Trung	Mạnh	03/01/1992	217308C	7.3	Khá	
558	30	c34	217308C603	Quách Văn	Tùng	27/10/1991	217308C	7.2	Khá	
559	31	c34	217308T610	Phạm Văn	Thiên	04/10/1970	217308C	6.9	Trung bình	
560	32	c34	217801D604	Lê Văn	Cường	10/10/1976	217801C	7.9	Khá	
561	33	c34	217801D623	Lê Văn	Thụ	18/05/1986	217801C	7.7	Khá	
562	34	c34	217801D622	Lê Thị	Tuyết	12/06/1975	217801C	6.1	Trung bình	
563	35	c34	217305T605	Lâm Thị	Trang	03/08/1988	217305C	7.5	Khá	
564	36	c34	228902C002	Đỗ Văn	Bình	30/12/1969	228902A	7.2	Khá	
565	37	c34	228902C001	Lê Như	Bình	28/03/1970	228902A	7.7	Khá	
566	38	c34	228902C004	Trần Văn	Chanh	05/08/1969	228902A	7.3	Khá	
567	39	c34	228902C005	Hoàng Văn	Châu	29/03/1969	228902A	7.4	Khá	
568	40	c34	228902C006	Nguyễn Cao	Cường	16/01/1987	228902A	7.3	Khá	
569	41	c34	228902C041	Tổng Văn	Duệ	06/01/1968	228902A	6.8	Trung bình	
570	42	c34	228902C008	Đinh Xuân	Giang	25/05/1968	228902A	8.4	Giỏi	
571	43	c34	228902C042	Hoàng Văn	Giáp	08/10/1974	228902A	8.0	Giỏi	
572	44	c34	228902T300	Phạm Văn	Giáp	14/06/1984	228902A	7.8	Khá	
573	45	c34	228902C009	Trần Mạnh	Hà	14/09/1983	228902A	7.3	Khá	
574	46	c34	228902C010	Lê Văn	Hải	12/01/1969	228902A	8.6	Giỏi	
575	47	c34	228902C011	Trịnh Xuân	Hiền	10/03/1967	228902A	8.1	Giỏi	
576	48	c34	228902C034	Phạm Văn	Hiệu	21/03/1982	228902A	7.4	Khá	
577	49	c34	228902C012	Trần Ngọc	Hòa	22/05/1970	228902A	8.0	Giỏi	
578	50	c34	228902C036	Nguyễn Văn	Hoan	07/07/1977	228902A	6.6	Trung bình	
579	51	c34	228902T001	Lê Huy	Hùng	15/03/1970	228902A	7.4	Khá	
580	52	c34	228902C013	Nguyễn Thanh	Hương	20/12/1970	228902A	8.0	Giỏi	
581	53	c34	228902C014	Yên Văn	Kim	26/06/1969	228902A	7.8	Khá	
582	54	c34	228902C015	Mai Bá	Minh	04/03/1970	228902A	8.0	Giỏi	
583	55	c34	228902C301	Hoàng Thị	Ngân	31/12/1980	228902A	7.6	Khá	
584	56	c34	228902C018	Trần Văn	Nhân	26/05/1969	228902A	7.7	Khá	
585	57	c34	228902C021	Đặng Đình	Quang	18/02/1967	228902A	7.5	Khá	
586	58	c34	228902C037	Nguyễn Xuân	Quang	02/02/1978	228902A	7.6	Khá	
587	59	c34	228902C038	Nguyễn Văn	Sáu	12/07/1982	228902A	7.0	Khá	
588	60	c34	228902D300	Ngô Quang	Sơn	07/10/1983	228902A	8.0	Giỏi	
589	61	c34	228902C039	Lê Hồng	Thanh	05/05/1981	228902A	7.1	Khá	
590	62	c34	228902C040	Bùi Công	Thiem	02/02/1978	228902A	6.9	Trung bình	
591	63	c34	228902C025	Nguyễn Bá	Thiện	16/05/1970	228902A	6.8	Trung bình	
592	64	c34	228902C027	Trương Duy	Thuyền	05/03/1969	228902A	7.1	Khá	
593	65	c34	228902C028	Lê Hữu	Tĩnh	09/10/1996	228902A	5.9	Trung bình	
594	66	c34	228902C029	Hoàng Văn	Trinh	18/12/1968	228902A	6.1	Trung bình	
595	67	c34	228902C302	Vũ Văn	Trình	02/02/1979	228902A	6.9	Trung bình	
596	68	c34	228902C032	Lê Sỹ	Vĩnh	28/05/1969	228902A	7.0	Khá	
597	69	c34	227107C300	Hoàng Đình	Bảo	12/01/1985	227107B	7.0	Khá	
598	70	c34	227107C301	Lê Thành	Đạt	02/12/1984	227107B	7.4	Khá	
599	71	c34	227107T502	Nguyễn Văn	Cường	01/09/1995	227107C	6.4	Trung bình	
600	72	c34	227107T500	Lê Văn	Hải	24/02/1992	227107C	7.6	Khá	
601	73	c34	227107C505	Đỗ Văn	Phúc	02/01/2003	227107C	7.9	Khá	
602	74	c34	227107C503	Hoàng Tiến	Tới	24/10/1997	227107C	7.1	Khá	
603	75	c34	227107T501	Mai Anh	Tuấn	10/05/1993	227107C	7.1	Khá	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
604	76	c46	2023QP001	Lê Minh	Anh	01/07/1998	QLNN	8.3	Giỏi	
605	77	c46	2023QP002	Ngân Quang	Chương	13/01/1971	QLNN	7.1	Khá	
606	78	c46	2023QP003	Trần Văn	Diễn	02/02/1982	QLNN	8.6	Giỏi	
607	79	c46	2023QP004	Phạm Bá	Đại	30/06/1979	QLNN	7.3	Khá	
608	80	c46	2023QP005	Ngô Quang	Hưng	24/05/1979	QLNN	7.9	Khá	
609	81	c46	2023QP006	Lê Quang	Khanh	12/02/1985	QLNN	8.3	Giỏi	
610	82	c46	2023QP007	Vi Văn	Luân	19/03/1992	QLNN	7.4	Khá	
611	83	c46	2023QP008	Nguyễn Văn	Luân	09/06/1986	QLNN	8.0	Giỏi	
612	84	c46	2023QP009	Lê Văn	Minh	04/07/1993	QLNN	7.5	Khá	
613	85	c46	2023QP010	Đỗ Anh	Tăng	05/09/1996	QLNN	8.0	Giỏi	
614	86	c46	2023QP011	Hà Văn	Tân	06/02/1969	QLNN	7.8	Khá	
615	87	c46	2023QP012	Đỗ Văn	Toàn	25/08/1973	QLNN	8.1	Giỏi	
616	88	c46	2023QP013	Đỗ Văn	Tuấn	10/08/1995	QLNN	8.1	Giỏi	
617	89	c46	2023QP014	Dương Văn	Tùng	02/03/1993	QLNN	7.3	Khá	
618	90	c46	2023QP015	Bùi Văn	Trang	15/09/1982	QLNN	8.6	Giỏi	
619	91	c46	2023QP016	Trương Thị	Bằng	03/04/1991	QLNN	7.5	Khá	
620	92	c46	2023QP017	Vũ Thị	Dung	19/03/1990	QLNN	8.0	Giỏi	
621	93	c46	2023QP018	Lê Thị	Hằng	25/08/1980	QLNN	8.7	Giỏi	
622	94	c46	2023QP019	Nguyễn Thị	Hoa	19/05/1989	QLNN	8.4	Giỏi	
623	95	c46	2023QP020	Nguyễn Thị	Huyền	13/05/1984	QLNN	7.3	Khá	
624	96	c46	2023QP021	Phan Thị	Hương	29/03/1988	QLNN	7.9	Khá	
625	97	c46	2023QP022	Trịnh Thị	Mai	08/12/1992	QLNN	8.0	Giỏi	
626	98	c46	2023QP023	Hồ Thị	Ngọc	23/04/1989	QLNN	8.5	Giỏi	
627	99	c46	2023QP024	Đỗ Thị	Phương	15/09/1989	QLNN	8.3	Giỏi	
628	100	c46	2023QP025	Nguyễn Minh	Phương	22/11/1994	QLNN	8.2	Giỏi	
629	101	c46	2023QP026	Trần Thị	Phương	21/07/1982	QLNN	8.1	Giỏi	
630	102	c46	2023QP027	Vũ Thị	Tuyến	28/12/1987	QLNN	8.0	Giỏi	
631	103	c46	2023QP028	Mai Thị	Thùy	04/07/1986	QLNN	8.0	Giỏi	
632	104	c46	2023QP029	Vũ Thị	Thương	26/06/1983	QLNN	8.0	Giỏi	
633	105	c46	2023QP030	Bùi Thị	An	08/08/1990	GDMN	7.8	Khá	
634	106	c46	2023QP031	Hà Thị	Dung	02/03/1993	GDMN	7.2	Khá	
635	107	c46	2023QP032	Lê Thị	Dung	02/07/1992	GDMN	8.0	Giỏi	
636	108	c46	2023QP033	Trần Thị Kim	Huệ	25/08/2002	GDMN	8.6	Giỏi	
637	109	c46	2023QP034	Lê Thị	Hương	18/10/1991	GDMN	8.2	Giỏi	
638	110	c46	2023QP035	Lê Thị	Hường	01/07/1988	GDMN	8.5	Giỏi	
639	111	c46	2023QP036	Quách Thị	Lâm	05/11/1995	GDMN	8.6	Giỏi	
640	112	c46	2023QP037	Hồ Thị	Lê	10/06/1990	GDMN	8.6	Giỏi	
641	113	c46	2023QP038	Nguyễn Thị	Liêu	25/05/1994	GDMN	8.5	Giỏi	
642	114	c46	2023QP039	Nguyễn Thị	Linh	16/11/1996	GDMN	8.1	Giỏi	
643	115	c46	2023QP040	Phạm Thị	Linh	20/05/1997	GDMN	7.8	Khá	
644	116	c46	2023QP041	Lê Thị	Loan	30/10/1991	GDMN	7.9	Khá	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
645	117	c46	2023QP042	Đào Thị	Nụ	26/01/1996	GDMN	8.5	Giỏi	
646	118	c46	2023QP043	Trần Mai Tuyết	Nhi	07/09/2002	GDMN	7.9	Khá	
647	119	c46	2023QP044	Lê Thị	Nhung	13/04/2001	GDMN	7.9	Khá	
648	120	c46	2023QP045	Lê Thị	Nhung	22/12/2002	GDMN	8.3	Giỏi	
649	121	c46	2023QP046	Lê Thị	Nhung	19/04/1995	GDMN	6.8	Trung bình	
650	122	c46	2023QP047	Trần Thị	Nhung	28/07/2002	GDMN	8.1	Giỏi	
651	123	c46	2023QP048	Lê Ngọc	Quỳnh	10/05/1991	GDMN	8.6	Giỏi	
652	124	c46	2023QP049	Nguyễn Thị	Quỳnh	12/09/1996	GDMN	7.9	Khá	
653	125	c46	2023QP050	Trương Thị Minh	Tâm	01/01/2000	GDMN	7.3	Khá	
654	126	c46	2023QP051	Vũ Thị	Thanh	27/02/1991	GDMN	8.3	Giỏi	
655	127	c46	2023QP052	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/06/1997	GDMN	7.5	Khá	
656	128	c46	2023QP053	Bùi Thị	Thêm	16/05/1990	GDMN	7.2	Khá	
657	129	c46	2023QP054	Hoàng Thị	Thủy	26/07/1991	GDMN	7.8	Khá	
658	130	c46	2023QP055	Nguyễn Thị	Trang	20/10/1991	GDMN	8.0	Giỏi	
659	131	c46	2023QP056	Trương Thị	Phon	03/03/1993	GDMN	8.7	Giỏi	
660	132	c46	2023QP057	Phạm Thị	Trang	31/12/1999	GDMN	8.2	Giỏi	
661	133	c46	2023QP058	Nguyễn Thị	Trâm	21/12/2002	GDMN	8.0	Giỏi	
662	134	c46	2023QP059	Lê Thị	Vân	10/05/1994	GDMN	8.2	Giỏi	
663	135	c46	2023QP060	Đỗ Thị Huyền	Trang	12/06/2001	GDMN	7.9	Khá	
664	136	c46	2023QP061	Cao Thị Ngọc	Ánh	19/05/2001	GDMN	8.5	Giỏi	
665	137	c46	2023QP062	Lê Thanh	Hải	25/01/2001	GDMN	7.8	Khá	
666	138	c46	2023QP063	Nguyễn Thị	Phương	22/03/2001	GDMN	7.5	Khá	
667	139	c46	2023QP064	Phí Thị Minh	Anh	20/06/2001	GDMN	7.9	Khá	
668	140	c46	2023QP065	Phạm Thị Thùy	Linh	23/07/2001	GDMN	7.2	Khá	
669	141	c46	2023QP066	Đỗ Thị Thanh	Phương	07/12/1998	GDMN	7.5	Khá	
670	142	c46	2023QP067	Vũ Thị Phương	Thảo	04/01/2002	GDMN	8.0	Giỏi	
671	143	c46	2023QP068	Lê Thị	Hồng	01/10/1987	GDMN	6.7	Trung bình	
672	144	c46	2023QP069	Lương Thị	Thu	03/03/1993	GDMN	7.2	Khá	
673	145	c46	2023QP070	Vũ Trần Thủy	Tiên	08/12/2000	GDMN	8.2	Giỏi	
674	146	c46	2023QP071	Đỗ Thị	Trang	22/08/2001	GDMN	8.0	Giỏi	
675	147	c46	2023QP072	Lưu Thị	Trang	05/06/2002	GDMN	8.0	Giỏi	
676	148	c46	2023QP073	Đặng Ngân	Hà	30/09/1997	GDMN	8.1	Giỏi	
677	149	c46	2023QP074	Nguyễn Thị Hằng	Giang	12/10/1998	GDMN	7.7	Khá	
678	150	c46	2023QP075	Cao Thị Hồng	Nhung	13/08/1998	GDMN	8.7	Giỏi	
679	151	c46	2023QP076	Nguyễn Thị	Huệ	06/06/1993	GDMN	8.4	Giỏi	
680	152	c46	2023QP077	Trương Thị	Thảo	03/03/1999	GDMN	8.3	Giỏi	
681	153	c46	2023QP078	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	09/05/1999	GDMN	7.8	Khá	
682	154	c46	2023QP079	Vũ Thị	Thủy	29/09/1995	GDMN	8.3	Giỏi	
683	155	c46	2023QP080	Lý Thị Hạnh	Ngân	22/11/1995	GDMN	8.1	Giỏi	
684	156	c46	2023QP081	Nguyễn Thị	Nhi	16/07/2002	GDMN	7.8	Khá	
685	157	c46	2023QP082	Trần Thị	Liên	08/02/1988	GDMN	7.6	Khá	

TT Tổng	TT hệ	Đại đội	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Ngành học	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
III		Bổ sung								
686	1	bs	1769020008	Nguyễn Thị	Hoa	22/05/1999	186902A	7.5	Khá	
687	2	bs	1969020001	Nguyễn Thị	Hòa	20/07/2001	196902A	6.7	Trung bình	
688	3	bs	1969020014	Nguyễn Văn	Vương	13/07/2000	196902A	6.7	Trung bình	
689	4	bs	2169020030	Nguyễn Việt	Sơn	26/03/2002	216902A	7.0	Khá	
690	5	bs	1964010020	Nguyễn Thị	Hồng	07/02/2001	196401A	7.9	Khá	
691	6	bs	1964010105	Phạm Trịnh Thu	Hằng	06/09/2001	196402A	7.6	Khá	
692	7	bs	1769010156	Lương Thị	Phương	11/01/1999	176901C	6.9	Trung bình	
693	8	bs	1966030015	Hoàng Hà	My	09/06/2000	196603A	8.4	Giỏi	
694	9	bs	2064010222	Phan Phương	Anh	01/08/2002	206401B	8.4	Giỏi	
695	10	bs	1764020041	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/11/1999	206402B	6.9	Trung bình	
696	11	bs	2161030156	Nguyễn Trọng	Hiếu	21/02/2003	216103C	7.8	Khá	
697	12	bs	208900C701	Hoàng Thị	Bâm	23/07/1977	208900CC1	5.7	Trung bình	
698	13	bs	208900C737	Phan Thị	Năm	09/07/1975	208900CC1	6.7	Trung bình	
699	14	bs	208900C712	Thắm Thị	Dung	08/11/1974	208900CC1	5.9	Trung bình	

(Ấn định danh sách có 699 người học)



Bùi Văn Dũng